



# THƯƠNG MẠI HÓA SÁNG CHẾ THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Lê Thị Thanh Tâm, Hoàng Thị Hải Yến\*

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, tp. Huế, Việt Nam

\* Tác giả liên hệ: **Hoàng Thị Hải Yến** <hthyen@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 08-07-2024; Ngày chấp nhận đăng: 02-06-2025)

**Tóm tắt:** Thương mại hóa sáng chế là một cấu phần quan trọng trong chuyển giao công nghệ. Thương mại hóa thành công sáng chế sẽ thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ tại doanh nghiệp và cơ sở giáo dục, nghiên cứu. Do vậy, đây là vấn đề được nhiều quốc gia quan tâm và đầu tư hỗ trợ, trong đó có Việt Nam. Nhà nước đã xây dựng hành lang pháp lý điều chỉnh vấn đề trên, đặc biệt là ban hành Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017<sup>1</sup> và Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022)<sup>2</sup>. Bài viết nghiên cứu pháp luật về thương mại hóa sáng chế thông qua chuyển giao công nghệ và thực tiễn áp dụng tại Việt Nam trong giai đoạn 2011-2023; từ đó, rút ra một số khó khăn và hướng hoàn thiện cho pháp luật Việt Nam.

**Từ khóa:** sáng chế, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa

## COMMERCIALIZATION OF PATENTED INVENTIONS THROUGH TECHNOLOGY TRANSFER UNDER VIETNAM'S LAW

Le Thi Thanh Tam, Hoang Thi Hai Yen\*

University of Law, Hue University, Vo van Kiet St., Hue City, Vietnam

Correspondence to **Hoang Thi Hai Yen** <hthyen@hueuni.edu.vn>

(Received: July 08, 2024; Accepted: June 02, 2025)

<sup>1</sup> Quốc hội (2017), Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

<sup>2</sup> Quốc hội (2005), Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019, 2022), sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành.

**Abstract:** Commercialization of patented inventions is an important component of technology transfer. Successful commercialization of patented inventions will promote technology transfer activities in enterprises and educational and research institutions. Therefore, this issue has attracted the attention and investment of many countries, including Vietnam. The State has developed a legal framework to regulate the above issue, especially promulgating the Law on Technology Transfer of 2017 and the Law on Intellectual Property of 2005 (amended and supplemented in 2009, 2019, 2022). The article studies Vietnamese law on commercialization of patents through technology transfer and its practice from 2011 to 2023; thus, concluding some difficulties and solutions for Vietnam.

**Keywords:** patent, technology transfer, commercialization

## 1. Đặt vấn đề

Sáng chế là một trong những đối tượng quan trọng nhất của quyền sở hữu trí tuệ, đóng vai trò to lớn cho sự phát triển của thị trường khoa học công nghệ. Tạo lập và đăng ký thành công sáng chế là không hề dễ dàng, nhưng để sáng chế thành công và tạo ra được lợi nhuận từ thị trường lại càng khó khăn hơn gấp bội. Hoạt động này được gọi là thương mại hóa sáng chế. Ở phạm vi rộng hơn, hoạt động này cũng được xem là một phần của chuyển giao công nghệ – công cụ tối quan trọng để phát triển khoa học công nghệ của những quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Chính vì vậy, pháp luật về thương mại hóa sáng chế thông qua chuyển giao công nghệ có nhiều vấn đề pháp lý cần nghiên cứu.

## 2. Quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thương mại hóa sáng chế thông qua chuyển giao công nghệ

### 2.1. Khái niệm thương mại hóa sáng chế thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ

*Thứ nhất, khái niệm thương mại hóa sáng chế.*

Thương mại hóa được hiểu là một tiến trình quản lý việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ cho đối tác thương mại. Đó là một quá trình gồm nhiều giai đoạn từ ý tưởng nghiên cứu, chuyển hóa thành sản phẩm dưới dạng vật thể hay quy trình, đến tạo ra thu nhập từ phí chuyển giao hay doanh thu bán hàng<sup>3</sup>. Dưới góc độ pháp lý, hoạt động này được gọi là khai thác tài sản trí tuệ, bao gồm việc “đưa tài sản trí tuệ vào áp dụng, sử dụng, quản lý trong thực tế nhằm tạo ra các lợi ích, ưu thế cho chủ sở hữu, người tham gia vào việc áp dụng, sử dụng tài sản trí tuệ đó và cho xã hội”<sup>4</sup>. Sáng chế cũng là một trong những đối tượng nổi bật và được quan tâm trong hoạt động này. Nếu hiểu theo nghĩa hẹp, thương mại hóa sáng chế là việc trực

---

<sup>3</sup> Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ (2021), *Sổ tay Thương mại hóa*, xem tại: <https://dra.ctu.edu.vn/images/upload/news/229.pdf>, truy cập ngày 26/8/2024.

<sup>4</sup> Khoản 2, Điều 3, Thông tư liên tịch 112/2011/TTLT/BTC-BKHCN hướng dẫn quản lý tài chính đối với chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015.

tiếp chuyển hóa tài sản trí tuệ thành hàng hóa lưu thông trên thị trường; nhưng theo nghĩa rộng hơn đó là cả một chuỗi hoạt động, quá trình khai thác sáng chế để đổi lại lợi ích kinh tế – xã hội<sup>5</sup>.

Chủ sở hữu sáng chế có thể thương mại hóa trực tiếp (tự khai thác) hoặc gián tiếp (ủy quyền cho chủ thể khác thực hiện), hay kết hợp linh hoạt giữa cả hai hình thức trực tiếp và gián tiếp.

Một là, thương mại hóa trực tiếp sáng chế: Pháp luật về sáng chế trao cho chủ sở hữu quyền độc quyền khai thác trong thời hạn bảo hộ, đồng thời ngăn cản người khác sử dụng trái phép. Tuy nhiên, không phải mọi chủ sở hữu sáng chế đều có khả năng để thực hiện điều này, điển hình là các tổ chức nghiên cứu khoa học và cơ sở giáo dục. Nhu cầu phát triển mô hình thương mại hóa gián tiếp sáng chế từ đó mà phát sinh.

Hai là, thương mại hóa gián tiếp sáng chế: chủ sở hữu sáng chế có quyền cho phép chủ thể khác sử dụng sáng chế thông qua quyền định đoạt. Việc định đoạt có thể thực hiện dưới hình thức chuyển nhượng quyền sở hữu (“bán đứt”), hoặc chỉ chuyển giao quyền sử dụng sáng chế nhằm mục đích vẫn nắm giữ quyền chi phối đối với sáng chế đó.

*Thứ hai, khái niệm chuyển giao công nghệ.*

Chuyển giao công nghệ: là tiến trình phổ biến “công nghệ” – hệ thống kiến thức có tính thương mại nhằm sản xuất một sản phẩm, áp dụng một quy trình hoặc cung cấp một dịch vụ từ bên chuyển giao (transferor) đến bên nhận chuyển giao (recipient)<sup>6</sup>. Với định nghĩa trên, thuật ngữ chuyển giao công nghệ không được áp dụng đối với hoạt động mua bán hàng hóa/dịch vụ thuần túy. Dự thảo Bộ quy tắc ứng xử về chuyển giao công nghệ của UNCTAD loại trừ nhân hiệu hàng hóa/dịch vụ và tên thương mại khỏi các hoạt động được xem là chuyển giao công nghệ<sup>7</sup>.

Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 định nghĩa chuyển giao công nghệ là “*chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ*”<sup>8</sup>. Từ đó, có thể hiểu, chuyển giao công nghệ bao gồm các hình thức để đưa công nghệ từ môi trường này sang môi trường khác, phục vụ mục đích sản xuất hàng hóa, thực hiện dịch vụ<sup>9</sup>.

---

<sup>5</sup> Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo và Hỗ trợ, Tư vấn (2021), *Thương mại hóa tài sản trí tuệ – động lực phát triển bền vững cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam*, xem tại: <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1862&l=Nghiencuutraodoi>, truy cập ngày 26/8/2024.

<sup>6</sup> UNCTAD (2001), *Transfer of Technology, UNCTAD Series on Issues in international investment agreements*, xem tại: <https://unctad.org/system/files/official-document/psiteitd28.en.pdf>, truy cập ngày 26/8/2024.

<sup>7</sup> Article 1.3(a), Draft International Code of Conduct on the Transfer of Technology 1985.

<sup>8</sup> Khoản 7, Điều 2, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

<sup>9</sup> Trần Văn Nam (2018), *Dịch vụ chuyển giao công nghệ theo pháp luật Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.30.

Từ những phân tích kể trên, thương mại hóa sáng chế bằng hoạt động chuyển giao công nghệ được xác định là việc “phổ biến” (chuyển quyền) sáng chế từ chủ sở hữu sang bên nhận chuyển giao. Bản chất pháp lý của hoạt động này chính là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, hoặc chuyển quyền sử dụng sáng chế (cấp li-xăng). Mặc dù vậy, cũng cần lưu ý rằng việc chuyển giao công nghệ dưới hình thức chuyển quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế thường không phổ biến, hoặc không phức tạp về mặt pháp lý<sup>10</sup>.

## 2.2. Nội dung của thương mại hóa sáng chế thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ

Điều 5, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định các hình thức chuyển giao công nghệ chính bao gồm: chuyển giao công nghệ độc lập; hoặc phần chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư, góp vốn bằng công nghệ, nhượng quyền thương mại, mua bán máy móc, thiết bị, hoặc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ. Cần lưu ý rằng, việc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ chỉ được xem là một hình thức chuyển giao công nghệ khi các bên thỏa thuận về đối tượng công nghệ được chuyển giao tại Điều 4, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, bao gồm: *Bí quyết kỹ thuật; bí quyết công nghệ; Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ; Máy móc, thiết bị đi kèm.*

Với phạm vi được liệt kê ở trên, việc chuyển giao quyền đối với sáng chế – một “giải pháp kỹ thuật” đương nhiên được xem là hình thức của chuyển giao công nghệ. Trong khi đó, quy định trên cũng gián tiếp loại trừ các đối tượng sở hữu trí tuệ chỉ mang tính thương mại như nhãn hiệu, tên thương mại khỏi hoạt động chuyển giao công nghệ.

Về phương thức chuyển giao công nghệ, pháp luật Việt Nam ghi nhận nhiều phương thức khác nhau như chuyển giao tài liệu, đào tạo nhân sự, cử chuyên gia tư vấn vận hành, chuyển giao máy móc, thiết bị kèm theo<sup>11</sup>. Nếu như chuyển nhượng hoặc li-xăng sáng chế chỉ là điều chỉnh tư cách pháp lý của các chủ thể liên quan, hoạt động này đặt dưới góc độ chuyển giao công nghệ phải thể hiện được chức năng lớn hơn. Cụ thể, chuyển giao quyền đối với sáng chế thông qua chuyển giao công nghệ phải đảm bảo bên tiếp nhận nắm vững làm chủ và vận hành chính xác sáng chế, cũng như công nghệ khác được chuyển giao.

Thương mại hóa gián tiếp sáng chế chính là hoạt động chuyển quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, bao gồm chuyển nhượng quyền sở hữu, hoặc chuyển giao quyền sử dụng.

- Chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế: theo Điều 138 Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành, đây là việc chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế chuyển giao quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản.

<sup>10</sup> Trần Văn Nam (2018), *tlđd*, tr.28.

<sup>11</sup> Điều 6, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

Hiệu lực của hợp đồng chỉ phát sinh khi đã được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp, cụ thể là Cục Sở hữu trí tuệ.

- Chuyển giao quyền sử dụng sáng chế (li-xăng sáng chế): theo Điều 141 Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành, đây là việc chủ sở hữu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng sáng chế thuộc phạm vi quyền sử dụng của mình, trên cơ sở bằng độc quyền sáng chế được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Li-xăng sáng chế dành cho các chủ thể vẫn mong muốn giữ quyền kiểm soát đối với sáng chế.

Việc chuyển giao công nghệ có bao gồm sáng chế là một hình thức khai thác thương mại gián tiếp được điều chỉnh đồng thời bởi hai đạo luật cơ bản là Luật Sở hữu trí tuệ và Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. Luật Chuyển giao công nghệ hiện hành quy định về trường hợp công nghệ là đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp thì việc chuyển giao công nghệ phải được thực hiện cùng với việc chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Nói cách khác, thương mại hóa sáng chế được điều chỉnh trực tiếp bởi pháp luật sở hữu trí tuệ, và gián tiếp bởi pháp luật chuyển giao công nghệ nếu sáng chế là một phần của công nghệ được chuyển giao. Việc hai đạo luật cùng quy định về vấn đề này đã tạo ra một số mâu thuẫn, đặc biệt là về thủ tục đăng ký hợp đồng sẽ được phân tích cụ thể ở mục 4.

Do đặc tính pháp lý của sáng chế, quyền sử dụng sáng chế bị giới hạn trong phạm vi về thời gian và không gian được bảo hộ. Quyền sở hữu công nghiệp nói chung được thực thi theo nguyên tắc bảo hộ độc lập được đặt ra theo Công ước Paris năm 1883. Phù hợp với nguyên tắc này, pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam cũng giới hạn phạm vi không gian của hiệu lực văn bằng bảo hộ sáng chế là trên lãnh thổ Việt Nam. Như vậy, trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, bên chuyển giao phải chứng minh được mình là chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế đó tại Việt Nam.

Ngoài ra, bên nhận chuyển giao công nghệ là sáng chế bị ràng buộc nghĩa vụ sử dụng theo chủ sở hữu. Theo đó, chủ sở hữu sáng chế có nghĩa vụ sản xuất sản phẩm được bảo hộ nhằm đáp ứng các nghĩa vụ đối với lợi ích chung của cộng đồng, của quốc gia như nhu cầu quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc các nhu cầu cấp thiết của xã hội. Trong trường hợp sáng chế được li-xăng theo hợp đồng độc quyền, bên nhận li-xăng cũng phải có nghĩa vụ sử dụng tương đương như chủ sở hữu. Bởi lẽ, chính chủ sở hữu sáng chế lúc này cũng không còn quyền sử dụng đối với sáng chế, đồng thời cũng không thể chuyển giao cho thêm bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Một trường hợp khác, nếu chứng minh được sáng chế phụ thuộc tạo ra một bước tiến quan trọng về kỹ thuật so với sáng chế cơ bản và có ý nghĩa kinh tế lớn, chủ sở hữu sáng chế phụ thuộc có quyền yêu cầu chủ sở hữu sáng chế cơ bản chuyển giao quyền sử dụng sáng chế cơ bản với giá cả và điều kiện thương mại hợp lý. Như vậy, nếu như hoạt động chuyển giao

công nghệ đối với sáng chế thực hiện dưới hình thức hợp đồng độc quyền, bên nhận chuyển giao vẫn có nghĩa vụ cho phép chủ thể khác sử dụng sáng chế cơ bản như mô tả ở quy định trên.

Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của bên nhận chuyển giao công nghệ, pháp luật sở hữu trí tuệ cũng quy định cấm các điều khoản hạn chế gây ảnh hưởng nghiêm trọng và bất hợp lý đến khả năng khai thác công nghệ được chuyển giao<sup>12</sup>.

*Thứ nhất*, bên chuyển giao bị cấm hạn chế bên nhận chuyển giao xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ liên quan đến sáng chế sang các vùng lãnh thổ mà bên chuyển giao không có quyền đối với sáng chế.

*Thứ hai*, bên chuyển giao không được buộc bên nhận chuyển giao phải mua toàn bộ hoặc một tỷ lệ nhất định các nguyên liệu, linh kiện hoặc thiết bị của bên chuyển quyền hoặc của bên thứ ba do bên chuyển quyền chỉ định mà không nhằm mục đích bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ.

*Thứ ba*, bên chuyển giao không được buộc bên nhận phải chuyển giao miễn phí các cải tiến đối với sáng chế hoặc quyền đăng ký hay quyền sở hữu đối với các cải tiến đó. Tuy nhiên, quy định này cũng bộc lộ bất cập khi chưa tính đến yếu tố liên quan tới pháp luật cạnh tranh. Bên chuyển giao có thể vô hiệu hóa quy định trên bằng cách thỏa thuận một mức phí, bất chấp hậu quả hạn chế cạnh tranh gây bất lợi cho thị trường nói chung<sup>13</sup>.

### 3. Thực tiễn thực hiện thương mại hoá sáng chế thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ và giải pháp hoàn thiện

#### 3.1. Thực tiễn thương mại hóa sáng chế thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ tại Việt Nam

##### 3.1.1. Tình hình thực hiện thương mại hoá sáng chế thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ

Theo số liệu thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ, số hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu và chuyển giao quyền sử dụng đối với sáng chế/giải pháp hữu ích đã được đăng ký trong giai đoạn 2011-2023 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Năm	Số hợp đồng chuyển nhượng sáng chế/giải pháp hữu ích được đăng ký	Số hợp đồng li-xăng sáng chế/giải pháp hữu ích được đăng ký
2011	18 (23)	4 (4)
2012	28 (51)	1 (1)

<sup>12</sup> Khoản 2, 3, Điều 144, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019, 2022).

<sup>13</sup> Bùi Thị Hằng Nga (2019), Điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh đối với điều khoản chuyển giao ngược trong hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 4 (380).

2013	42 (77)	4 (4)
2014	67 (102)	5 (18)
2015	45 (97)	3 (8)
2016	53 (95)	6 (6)
2017	71 (224)	3 (6)
2018	47 (77)	5 (5)
2019	103 (214)	3 (4)
2020	48 (112)	8 (13)
2021	71 (98)	8 (14)
2022	135 (155)	12 (14)
2023	96 (144)	16 (22)
<b>Tổng</b>	<b>824 (1469)</b>	<b>78 (119)</b>

*Bảng 1. Số lượng hợp đồng chuyển nhượng và li-xăng sáng chế/giải pháp hữu ích đã được đăng ký từ năm 2011 đến năm 2021<sup>14</sup> (Số trong ngoặc đơn là số lượng đối tượng được chuyển quyền)*

Số liệu nêu trên cho thấy rằng thương mại hóa sáng chế tại Việt Nam chủ yếu diễn ra dưới hình thức chuyển nhượng quyền sở hữu. Như vậy, phần lớn tác giả hoặc chủ sở hữu đầu tiên của sáng chế đều không có khả năng kiểm soát một phần việc khai thác; do đó, phụ thuộc hoàn toàn vào việc chuyển quyền sở hữu.

Số lượng hợp đồng đăng ký thành công qua từng năm cũng không thể hiện bất kỳ quy luật tăng trưởng nào. Năm 2019 chứng kiến số lượng đơn cao là 103, nhưng năm tiếp theo, năm 2020, lại giảm hơn một nửa. Tương tự, năm 2022 có số lượng cao nhất từ trước đến nay là 135, thì ngay sau đó cũng giảm còn 96 vào năm 2023. Cần biết rằng, trong giai đoạn kể trên, Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp tổng cộng 38,569 bằng độc quyền sáng chế bao gồm cả người nộp đơn Việt Nam và nước ngoài, chưa kể đến bằng độc quyền giải pháp hữu ích<sup>15</sup>. Với chỉ hơn 900 hợp đồng chuyển quyền sáng chế/giải pháp hữu ích, với tổng số đối tượng được chuyển quyền là

<sup>14</sup> Cục Sở hữu trí tuệ (2023), *Số liệu thống kê phục vụ Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2023*, Cổng thông tin điện tử cục Sở hữu trí tuệ, xem tại: [https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/bao-cao-hang-nam/-/asset\\_publisher/vTLYJq8Ak7Gm/content/so-lieu-thong-ke-phuc-vu-bao-cao-thuong-nien-hoat-ong-so-huu-tri-tue-nam-2023?inheritRedirect=false&redirect=https%3A%2F%2Fipvietnam.gov.vn%2Fweb%2Fguest%2Fbao-cao-hang-nam%3Fp\\_id%3D101\\_INSTANCE\\_vTLYJq8Ak7Gm%26p\\_p\\_lifecycle%3D0%26p\\_p\\_state%3Dnormal%26p\\_p\\_mode%3Dview%26p\\_p\\_col\\_id%3Dcolumn-1%26p\\_p\\_col\\_count%3D1](https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/bao-cao-hang-nam/-/asset_publisher/vTLYJq8Ak7Gm/content/so-lieu-thong-ke-phuc-vu-bao-cao-thuong-nien-hoat-ong-so-huu-tri-tue-nam-2023?inheritRedirect=false&redirect=https%3A%2F%2Fipvietnam.gov.vn%2Fweb%2Fguest%2Fbao-cao-hang-nam%3Fp_id%3D101_INSTANCE_vTLYJq8Ak7Gm%26p_p_lifecycle%3D0%26p_p_state%3Dnormal%26p_p_mode%3Dview%26p_p_col_id%3Dcolumn-1%26p_p_col_count%3D1), truy cập ngày 26/8/2024.

<sup>15</sup> Cục Sở hữu trí tuệ (2023), *Số liệu thống kê phục vụ Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2023*, tldd.

1588<sup>16</sup>, tỷ lệ thương mại hóa thông qua kênh chuyển giao công nghệ đang ở tỷ lệ rất thấp. Các số liệu này một lần nữa khẳng định tính thụ động của pháp luật sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Các luật này thể hiện vai trò rất mờ nhạt trong thúc đẩy thị trường khoa học công nghệ. Từ đó, việc thương mại hóa sáng chế gần như mang tính tự phát, dựa trên nhu cầu riêng của các bên giao kết hợp đồng.

### 3.1.2. *Vướng mắc trong thực hiện pháp luật về thương mại hoá sáng chế thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ*

Mặc dù pháp luật Việt Nam đã có hành lang pháp lý tương đối hoàn chỉnh về thương mại hóa sáng chế và chuyển giao công nghệ, hệ thống này chỉ mới nhìn nhận sáng chế dưới góc độ “tĩnh” (bảo hộ) chứ chưa xây dựng được cơ chế “động” (thương mại hóa). Một số khó khăn liên quan đến điều kiện đăng ký hợp đồng có thể nhận thấy được thông qua quá trình thực hiện như sau:

*Thứ nhất, việc chuyển giao quyền đối với sáng chế bằng hợp đồng chuyển giao công nghệ bị cản trở do thủ tục đăng ký.*

Theo quy định của pháp luật hiện hành, hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế chỉ có hiệu lực khi đã đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ. Hợp đồng li-xăng sáng chế phải đăng ký thì mới có giá trị pháp lý với bên thứ ba<sup>17</sup>. Từ đó, nếu chuyển giao quyền đối với sáng chế là một phần của hợp đồng chuyển giao công nghệ có phạm vi rộng hơn như góp vốn đầu tư hay mua bán máy móc,... phần này phải được lập thành hợp đồng riêng để đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ. Trong các trường hợp này, sáng chế tồn tại như một đối tượng độc lập và “song song” với các yếu tố công nghệ được chuyển giao khác là không hợp lý. Ngoài ra, đối với dạng hợp đồng không độc quyền, việc chuyển giao quyền cho bên thứ ba vẫn tiếp tục phải đăng ký. Đó là chưa kể đến bất kỳ sửa đổi về nội dung, gia hạn/chấm dứt hợp đồng cũng phải đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ theo thủ tục tương tự. Có thể nói, yêu cầu về đăng ký đang tạo ra rất nhiều thủ tục hành chính làm cản trở sự tự do lưu thông của sáng chế, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác thương mại đối tượng này.

Mặt khác, dưới góc độ pháp luật chuyển giao công nghệ, hợp đồng này phải được đăng ký với Bộ Khoa học và Công nghệ (hoặc Sở Khoa học và Công nghệ, tùy theo thẩm quyền) khi chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài, hoặc chuyển giao công nghệ trong nước có sử dụng ngân sách nhà nước<sup>18</sup>. Như vậy, hợp đồng chuyển giao công nghệ là sáng chế nếu thuộc một trong các trường hợp trên phải thực hiện song song hai thủ tục đăng ký ở hai cơ quan khác nhau.

<sup>16</sup> Một hợp đồng chuyển quyền có thể bao gồm nhiều đối tượng sáng chế/GPHI khác nhau.

<sup>17</sup> Điều 148.1, 148.3, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (Sửa đổi, bổ sung 2009, 2019, 2022).

<sup>18</sup> Điều 31.1, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.



*Thứ hai, việc chuyển giao quyền đối với sáng chế có thể bị vô hiệu hóa bởi luật chuyển giao công nghệ.*

Pháp luật chuyển giao công nghệ hiện hành quy định hạn chế chuyển giao với một số đối tượng đặc biệt như: công nghệ “lạc hậu” (không còn sử dụng phổ biến); sử dụng hóa chất độc hại, chất phóng xạ dù vẫn đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia; sử dụng tài nguyên, khoáng sản hạn chế khai thác...<sup>19</sup>. Khi đối tượng công nghệ được chuyển giao thuộc một trong các trường hợp trên, các bên phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép chuyển giao công nghệ. Đây là một thủ tục rất phức tạp, kéo dài và hoàn toàn có thể bị từ chối cấp.

Trong khi đó, pháp luật sở hữu trí tuệ hầu như không có các quy định tương ứng về loại trừ bảo hộ sáng chế. Vì vậy, thực tế có thể tồn tại những sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ nhưng thuộc đối tượng hạn chế chuyển giao nêu trên. Mâu thuẫn phát sinh đó là sáng chế được đăng ký chuyển quyền tại Cục Sở hữu trí tuệ nhưng lại không thể thương mại hóa thành công do không được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy phép chuyển giao đối với toàn bộ công nghệ.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về thương mại hoá tài sản thông qua hoạt động chuyển giao công nghệ**

Các khó khăn vừa nêu ở trên đang gián tiếp cản trở sự tự do kinh doanh thương mại đối với sáng chế. Vì vậy, vấn đề đặt ra là phải có giải pháp thay đổi cơ chế quản lý, để dịch chuyển pháp luật sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ từ trạng thái “tĩnh” sang “động” nhằm thương mại hóa sáng chế một cách chủ động hơn.

Trước hết, vướng mắc lớn hiện nay như đã trình bày ở trên đó là về thủ tục đăng ký. Xu hướng quốc tế hiện nay là tăng tính tự do, quyền tự quyết cho các chủ thể giao kết hợp đồng dân sự; giảm vai trò quản lý trực tiếp của nhà nước, từng bước chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”. Rất nhiều quốc gia phát triển ở châu Á, đặc biệt là Trung Quốc đã bãi bỏ các giới hạn pháp lý, chỉ xét duyệt đối với những trường hợp cơ yếu như an ninh, quốc phòng, sức khỏe cộng đồng<sup>20</sup>. Pháp luật Việt Nam cũng không nên đứng ngoài xu thế đó nếu không muốn làm mất đi sức hấp dẫn đối với đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, vấn đề xóa bỏ điều kiện đăng ký đối với hợp đồng chuyển quyền sáng chế (và quyền sở hữu công nghiệp nói chung) và hợp đồng chuyển giao công nghệ phải thực hiện theo từng giai đoạn, bởi kiểm soát nhà nước đối với thị trường công nghệ còn non trẻ như Việt Nam vẫn có vai trò nhất định. Tác giả kiến nghị xóa bỏ điều đăng ký theo hai giai đoạn như sau:

Giai đoạn 1: Chuyển từ “đăng ký” sang “thông báo”. Tất cả các thủ tục đăng ký liên quan đến chuyển quyền sáng chế và chuyển giao công nghệ đều thay đổi thành thủ tục thông báo với

<sup>19</sup> Điều 10, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

<sup>20</sup> Phan Quốc Nguyên (2016), *Pháp luật về hình thức khai thác thương mại sáng chế*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.140.

cơ quan chức năng có thẩm quyền. Làm được điều này sẽ giúp tiết kiệm đáng kể nguồn lực xã hội, cả phía tổ chức, cá nhân kinh doanh lẫn nhà nước. Ngoài ra, việc thông báo nếu được thực hiện trên hệ thống điện tử chung, hoặc liên thông giữa các cơ quan chức năng sẽ giúp xóa bỏ sự chông chéo hiện có đối với dạng hợp đồng chuyển quyền sáng chế là một phần của thỏa thuận chuyển giao công nghệ.

Giai đoạn 2: Bãi bỏ hoàn toàn thủ tục đăng ký và thông báo. Tổ chức, cá nhân kinh doanh có toàn quyền tự do quyết định hiệu lực của thỏa thuận thương mại hóa sáng chế. Nhà nước chỉ đóng vai trò xúc tiến phát triển công nghệ và kiểm soát chung đối với giao dịch dân sự, kinh doanh – thương mại.

Tiếp theo, đối với vấn đề về cấp giấy phép chuyển giao cho đối tượng công nghệ đặc thù, quy định này thực tế có vai trò đảm bảo lợi ích chung và lâu dài của xã hội, đặc biệt là về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam hiện có các công cụ đặc lực khác phù hợp hơn để đảm bảo kiểm soát các rủi ro nói trên mà không làm ảnh hưởng đến sự tự do trong kinh doanh – thương mại. Chẳng hạn, trường hợp hạn chế chuyển giao công nghệ “*sử dụng hóa chất độc hại hoặc phát sinh chất thải nguy hại đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*” nên được điều chỉnh bởi pháp luật bảo vệ môi trường thay vì luật chuyển giao công nghệ. Một là, nâng cao các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Hai là, phát huy chức năng của công cụ đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư có chuyển giao công nghệ. Như vậy, luật bảo vệ môi trường sẽ có cơ hội thực thi vai trò của mình, đồng thời trả Luật Chuyển giao công nghệ về đúng chức năng xúc tiến thị trường khoa học công nghệ, thay vì rào cản cho tự do chuyển giao.

#### 4. Kết luận

Thương mại hóa tài sản trí tuệ nói chung và sáng chế nói riêng thông qua chuyển giao công nghệ là một trong những vấn đề được quan tâm nhất ở Việt Nam hiện nay. Pháp luật Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện để thiết lập hành lang pháp lý vững chắc, mà nền tảng quan trọng nhất là Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019, 2022) và Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017. Hiện nay, cơ chế pháp lý cho việc chuyển giao công nghệ đối với sáng chế đã tương đối toàn diện và đầy đủ, tuy nhiên vẫn còn bộc lộ nhiều khó khăn liên quan đến thủ tục đăng ký hợp đồng. Cũng vì vậy, việc thương mại hóa sáng chế trong thực tế đạt hiệu quả rất thấp trong suốt giai đoạn 10 năm từ 2011 đến 2021. Nhằm đơn giản hóa thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sáng chế và chuyển giao công nghệ, thiết lập hành lang pháp lý thông thoáng thúc đẩy tự do thương mại hóa, bài viết đề xuất dịch chuyển thủ tục đăng ký thành thông báo, và từng bước xóa bỏ hoàn toàn thủ tục này. Đồng thời, việc phát huy hiệu quả của các đạo luật liên quan, nhất là pháp luật bảo vệ môi trường cũng sẽ góp phần thúc đẩy mục tiêu nói trên.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Hằng Nga (2019), Điều chỉnh của pháp luật cạnh tranh đối với điều khoản chuyển giao ngược trong hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 4 (380).
2. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ (2021), *Số tay Thương mại hóa*, xem tại: <https://dra.ctu.edu.vn/images/upload/news/229.pdf>, truy cập ngày 26/8/2024.
3. Cục Sở hữu trí tuệ (2007), *Hướng dẫn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp*, Cổng thông tin điện tử cục Sở hữu trí tuệ, xem tại: <https://ipvietnam.gov.vn/documents/20182/758194/18+H%c6%b0%e1%bb%9bng+d%e1%ba%abn+%c4%91%c4%83ng+k%c3%bd+h%e1%bb%a3p+%c4%91%e1%bb%93ng+chuy%e1%bb%83n+giao+quy%e1%bb%81n+s%e1%bb%ad+d%e1%bb%a5ng+c%c3%b4ng+ng h%e1%bb%87.pdf/54036dea-c715-4164-8dcb-737bef06c11d>, truy cập ngày 26/8/2024.
4. Cục Sở hữu trí tuệ (2023), *Số liệu thống kê phục vụ Báo cáo thường niên hoạt động sở hữu trí tuệ năm 2023*, Cổng thông tin điện tử cục Sở hữu trí tuệ, xem tại: [https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/bao-cao-hang-nam/-/asset\\_publisher/vTLYJq8Ak7Gm/content/so-lieu-thong-ke-phuc-vu-bao-cao-thuong-nien-hoat-ong-so-huu-tri-tue-nam-2023?inheritRedirect=false&redirect=https%3A%2F%2Fipvietnam.gov.vn%2Fweb%2Fguest%2Fbao-cao-hang-nam%3Fp\\_p\\_id%3D101\\_INSTANCE\\_vTLYJq8Ak7Gm%26p\\_p\\_lifecycle%3D0%26p\\_p\\_state%3Dnormal%26p\\_p\\_mode%3Dview%26p\\_p\\_col\\_id%3Dcolumn-1%26p\\_p\\_col\\_count%3D1](https://ipvietnam.gov.vn/web/guest/bao-cao-hang-nam/-/asset_publisher/vTLYJq8Ak7Gm/content/so-lieu-thong-ke-phuc-vu-bao-cao-thuong-nien-hoat-ong-so-huu-tri-tue-nam-2023?inheritRedirect=false&redirect=https%3A%2F%2Fipvietnam.gov.vn%2Fweb%2Fguest%2Fbao-cao-hang-nam%3Fp_p_id%3D101_INSTANCE_vTLYJq8Ak7Gm%26p_p_lifecycle%3D0%26p_p_state%3Dnormal%26p_p_mode%3Dview%26p_p_col_id%3Dcolumn-1%26p_p_col_count%3D1), truy cập ngày 26/8/2024.
5. Draft International Code of Conduct on the Transfer of Technology năm 1985.
6. Hiệp định TRIPS năm 1994.
7. Quốc hội (2017), Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.
8. Quốc hội (2005), Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019, 2022).
9. Phan Quốc Nguyên (2016), *Pháp luật về hình thức khai thác thương mại sáng chế*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Trần Văn Nam (2018), *Dịch vụ chuyển giao công nghệ theo pháp luật Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo và Hỗ trợ, Tư vấn (2021), *Thương mại hóa tài sản trí tuệ – động lực phát triển bền vững cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam*, xem tại:

<https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1862&l=Nghiencuutraodoi>,  
truy cập ngày 26/8/2024.

12. UNCTAD (2001), *Transfer of Technology*, UNCTAD Series on Issues in international investment agreements, xem tại: <https://unctad.org/system/files/official-document/psiteiitd28.en.pdf>, truy cập ngày 26/8/2024.